

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 12 - 2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Hiền;
Bà Trần Thị Minh Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án huyện An Lão;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021; Về việc: “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Lão.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Thành Quốc, chức vụ: Phó giám đốc. (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 39/QĐ-NHCS ngày 24/02/2020)

Địa chỉ phòng giao dịch: thôn 2, thị trấn An Lão, huyện An Lão, Bình Định.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: Số 2 Láng Hạ - Phường Thành Công - Quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện An Lão;

Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Quang Định, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (văn bản ủy quyền số: 392/UQ-NHN0AL ngày 08/11/2021).

Địa chỉ: thôn Xuân Phong Nam, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Chị: Nguyễn Thị Hồng Y.

Địa chỉ: Thôn Trà C, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2005. Sau khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi cờ bạc, làm tài xế đi sớm về khuya, chị D khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe mà còn đánh chị D. Vào ngày 27/12/2020 chị D đã ra ngoài thuê nhà sống riêng và hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, chị D, anh D không ai còn quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống, chị D không còn tình cảm yêu thương anh D nữa, chị D yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về nuôi con chung: Chị D và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/5/2006 và Nguyễn Giang B, sinh ngày 15/7/2015.

Sau khi ly hôn chị D trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ D, giao con tên Nguyễn Giang B cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về chia tài sản chung và khoản nợ:

+ Về tài sản chung: 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

+ Về khoản nợ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 80.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn chị D giao cho anh D sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán

đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Anh D chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 80.000.000 đồng;

Chị D yêu cầu anh D thôi lại chênh lệch tài sản chung số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày 26/11/2021). Chị D chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng.

Tại bản khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 2005 tại UBND xã A. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là anh D làm nghề tài xế nên công việc phải đi sớm, về khuya, trên đường đi có nhiều trở ngại do bị xe hư hỏng, phải chờ bốc hàng hoá nên có khi đêm khuya mới về nhà, chị D không thông cảm mà ở nhà đi chơi không lo cho gia đình, vợ chồng có cãi nhau, anh D có đánh chị D, ngày 09/12/2020 chị D dọn ra ngoài sống đến nay, vợ chồng sống ly thân được 01 năm, không ai còn quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống, anh D cũng không còn tình cảm yêu thương chị D nữa, thống nhất ly hôn với chị D.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/5/2006 và Nguyễn Giang B, sinh ngày 15/7/2015.

Sau khi ly hôn anh D trực tiếp nuôi con Nguyễn Giang B, giao con Nguyễn Thị Mỹ D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về chia tài sản và khoản nợ:

+ Về tài sản chung: 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

+ Về khoản nợ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 80.000.000 đồng; Số tiền 50.000.000 đồng nợ của chị Nguyễn Thị Hồng Y anh D không biết nên không chịu trách nhiệm trả.

Sau khi ly hôn cho anh D thống nhất sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Anh D chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam -Phòng giao dịch huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 80.000.000 đồng;

Anh D thống nhất thôi lại chênh lệch tài sản chung số tiền 300.000.000 đồng cho chị D trong thời hạn 06 tháng chứ không thống nhất trong thời hạn 30 ngày theo yêu cầu của chị D. Chị D chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng.

Tại bản khai ngày 29/6/2021; biên bản hòa giải ngày 09/11/2021 và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng Y trình bày:

Chị Y là chị ruột của của chị D còn anh D là em rể. Ngày 12/9/2019 vợ chồng chị D, anh D có nhờ chị vay dùm số tiền 50.000.000 đồng để xoay sở làm ăn, khi vay được tiền chị Y giao tiền cho anh D kiểm tra, vì chị em trong nhà nên không có giấy tờ, thời hạn trả nợ 05 năm, hàng tháng D trả lãi. Nay chị D, anh D ly hôn chị Y thống nhất chị D chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Y, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại phiên toà, ông Đặng Thành Quốc trình bày:

Năm 2016 Vợ chồng anh D, chị D có đến Ngân hàng để vay 02 khoản tiền 86.000.000 đồng cụ thể: Ngày 28/6/2016 vay số tiền 6.000.000 để làm nhà vệ sinh thời hạn trả ngày 28/6/2021; Ngày 12/11/2019 anh D vay số tiền 80.000.000 đồng để trồng 16.000 cây keo thời hạn trả nợ ngày 12/11/2024 do anh D là người đứng tên vay vốn. Đến ngày 12/7/2021 anh D trả cho Ngân hàng số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền anh D còn nợ Ngân hàng là 80.000.000 đồng.

Hiện nay anh D, chị D ly hôn, Ngân hàng yêu cầu ai sở hữu tài sản ngôi nhà và rẫy keo phải chịu trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Tại lời khai ngày 04/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, ông Phạm Quang Định trình bày:

Vào ngày 08/01/2021 anh D, chị D đến Ngân hàng vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,5% mục đích vay để mua bán gỗ keo, tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN339805 số vào sổ CS07401 cấp ngày 18/6/2018 tại thửa đất số 97 tờ bản đồ 41, diện tích 100 m².

Hiện nay anh D, chị D ly hôn Ngân hàng yêu cầu ai sở hữu tài sản thế chấp chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (nơi vợ chồng sinh sống) cho biết: Việc mâu thuẫn giữa chị D và anh D có xảy ra anh D làm tài xế chạy xe ngoài đường nên đi sớm về khuya, có chơi bài nhưng không thường xuyên, chị D ở nhà may

gia công, còn việc anh D có đánh chị D hay không chính quyền không nắm rõ. Khoảng tháng 01/2021 đến nay chị D ra ngoài thuê nhà sống riêng, còn anh D sống tại nhà chung của vợ chồng. Hiện nay anh D, chị D không còn ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống.

Về điều kiện nuôi con anh D, chị D đều có công việc làm, thu nhập ổn định nên giao mỗi người nuôi một con là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với ngôi nhà và vật kiến trúc có trên diện tích lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thẩm phán chưa thu thập chứng cứ, nên chưa có cơ sở giải quyết nên Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ tình tiết liên quan đến vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của hai con, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vay vốn của ngân hàng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Thị Hồng Y) giao nộp cho Tòa án; Giấy CMND, giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo; ngân hàng giao nộp cho Tòa án hồ sơ vay vốn, chứng từ thanh toán gốc và lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không thỏa thuận thống nhất được giá trị tài sản chung. Nguyên đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đã nộp 5.000.000 đồng tạm ứng. Ngày 14/10/2021, Tòa án đã chi phí

hết cho Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền này là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn”, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Nguyễn Xuân D, cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân D và được anh D chấp nhận, nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh D.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị D và anh D cùng thỏa thuận có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/5/2006 và Nguyễn Giang B, sinh ngày 15/7/2015. Chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Mỹ D, giao con Nguyễn Giang B cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không ai cấp dưỡng tiền nuôi con và được anh D đồng ý là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng tọa lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Chị D, anh D thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho anh D sở hữu sử dụng và anh D thôi lại cho chị D tiền chênh lệch chia tài sản chung là 300.000.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản ngày 14/10/2021 được xác định: Nhà và vật kiến trúc đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06 và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, cùng tọa lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định có giá 437.114.790 đồng; Đất ở tại thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² có giá 420.000.000 đồng; Đất thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m² có giá 210.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 1.067.114.780 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D: Sau khi ly hôn giao toàn bộ tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng tọa lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định cho anh D sở hữu sử dụng, có tổng giá trị 1.067.114.780 đồng, sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả cho hai Ngân hàng và chị Y là 330.000.000 đồng (200.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 50.000.000

đồng). Giá trị tài sản chung của hai vợ chồng còn lại là 737.114.780 đồng (1.067.114.780 đồng - 330.000.000 đồng), mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 368.557.390 đồng (737.114.780 : 2). Tuy nhiên chị D chỉ yêu cầu anh D thối lại tiền chênh lệch khối tài sản chung là 300.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX chấp nhận.

Về khoản nợ: anh D chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 80.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh khi đến hạn. Chị Dệt chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng gốc và lãi, HĐXX thấy rằng yêu cầu của chị D được anh D đồng ý là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Xuân D: Thống nhất sở hữu sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 04 đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m² và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m², cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định cho anh D và đồng ý thối lại cho chị D số tiền chênh lệch khối tài sản chung là 300.000.000 đồng, nhưng không thống nhất thời hạn 30 ngày mà anh D yêu cầu được trả tiền cho chị D thời hạn 06 tháng, vì số tiền trả cho chị D lớn, thời gian 30 ngày anh không chuẩn bị kịp. Lời nại của anh D không có cơ sở, nên HĐXX không chấp nhận. Về khoản nợ, anh D thống nhất chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 200.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão số tiền 80.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh khi đến hạn. Chị D chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng gốc và lãi, HĐXX nhận thấy phù hợp với pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị D.

[5]. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân D.

[6]. Về nuôi con chung:

[6.1]. Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/5/2006 chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Giang B, sinh ngày 15/7/2015 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con

[6.2]. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân D đến khi các bên có yêu cầu.

[7]. Về chia tài sản chung:

[7.1] Giao cho anh Nguyễn Xuân D được sở hữu: 01 ngôi nhà và vật kiến trúc đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06 (theo giấy CNQSD đất số CH00145 cấp ngày 06/8/2010) và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41 (theo giấy CNQSD đất số CS07401 cấp ngày 18/6/2018), cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; Đất ở tại thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m²; Đất thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m². Anh D có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền chênh lệch tài sản chung 300.000.000 đồng.

[7.2]. anh Nguyễn Xuân D được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[7.3]. Chị Nguyễn Thị D có quyền lưu cư tại ngôi nhà chung trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

[8]. Về nghĩa vụ trả nợ:

[8.1] Anh D chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 80.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 200.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[8.2] Chị D chịu trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[9]. Số tiền chi phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản: anh Nguyễn Xuân D phải trả lại cho chị Nguyễn Thị D 2.500.000 đồng.

[10]. Về án phí sơ thẩm:

[10.1]. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 15.000.000 đồng (300.000.000 đồng x 5%). Tổng cộng là 15.150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001004 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão, chị D còn phải nộp 14.850.000 đồng;

[10.2] Anh Nguyễn Xuân D phải chịu án phí án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng; án phí chia tài sản chung là (737.114.780 đồng – 300.000.000 đồng = 437.114.780 đồng, số tiền án phí là 20.000.000 đồng + với 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là 37.114.780 đồng x 4% = 1.484.591 đồng) = 21.484.591 đồng (20.000.000 đồng + 1.484.591 đồng). Tổng cộng án phí HNGĐ và án phí chia tài sản là 21.634.591 đồng (21.484.591 đồng + 150.000 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão cho rằng Thẩm phán chưa thu thập chứng cứ đối với diện tích nhà, vật kiến trúc vượt quá so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa có cơ sở để giải quyết vụ án nên không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử. Bởi lẽ,

các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất với nhau chia khối tài sản chung của vợ chồng bằng giá trị, không tranh chấp về diện tích xây dựng trên diện tích được nhà nước giao quyền hoặc giữa các bất động sản liền kề khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/5/2006 chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn Giang B, sinh ngày 15/7/2015 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con

2.2. *Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân D đến khi các bên có yêu cầu.*

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Giao cho anh Nguyễn Xuân D được sở hữu: 01 ngôi nhà và vật kiến trúc đứng trên thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06 (theo giấy CNQSD đất số CH00145 cấp ngày 06/8/2010) và 01 quán đứng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 41 (theo giấy CNQSD đất số CS07401 cấp ngày 18/6/2018), cùng toạ lạc thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; Đất ở tại thửa đất số 2122, tờ bản đồ 06, diện tích 200 m²; Đất thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 100 m². Anh D có nghĩa vụ thôi lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền 300.000.000 đồng.

3.2. anh Nguyễn Xuân D được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3.3. Chị Nguyễn Thị D có quyền lưu cư tại ngôi nhà chung trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Về nghĩa vụ trả nợ:

4.1 Anh D chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện An Lão 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện An Lão số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi phát sinh.

4.2 Chị D chịu trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh.

5. Số tiền chi phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản: anh Nguyễn Xuân D phải trả lại cho chị Nguyễn Thị D 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1 Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung là 15.150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001004 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão, chị D còn phải nộp 14.850.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng);

6.2 Anh Nguyễn Xuân D phải chịu án phí án phí hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung là 21.634.591 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi một đồng).

7. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (28/12/2021). Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

8. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Lão;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã A (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Nghiên

